

Số: **2623** /QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày **08** tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh
Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**



Người ký: Van thu - Quang
Ninh
Email:
UBND_quangninh@vpchin
hphu.vn
Cơ quan: Văn phòng, Ủy
ban Nhân dân tỉnh Quang
Ninh
Thời gian ký: 08.09.2015
14:49:43 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 07/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến 2020 và định hướng đến 2030; Quyết định số 1586/QĐ-BXD ngày 30/12/2014 của Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch phát triển vật liệu gốm, sứ xây dựng và đá ốp lát ở Việt Nam đến năm 2020; Quyết định số 507/QĐ-BXD ngày 27/4/2015 của Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp vôi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2622/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 1588/QĐ-UBND ngày 28/7/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và ngoài 2050;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 212/TTr-SXD ngày 25/6/2015;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với nội dung sau:

1. Mục tiêu quy hoạch:

- Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng của tỉnh, tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường về vật liệu xây dựng trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu.

- Phát triển sản xuất các chủng loại VLXD chủ yếu như: xi măng, vật liệu xây, lát, vật liệu lợp từ đất sét nung, VLX không nung, đá xây dựng, gạch ceramic, gạch Cotto, tấm lợp kim loại, các sản phẩm bê tông... đáp ứng nhu cầu xây dựng trong tỉnh, trong nước và xuất khẩu.

- Tăng giá trị sản xuất công nghiệp VLXD, tạo thêm nguồn thu ngân sách cho địa phương góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững, từng bước hoàn thiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nền kinh tế của tỉnh, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động và nâng cao đời sống nhân dân.

- Đến năm 2020, ngành sản xuất vật liệu xây dựng của tỉnh đạt được trình độ công nghệ tiên tiến; loại bỏ hoàn toàn các công nghệ thủ công, lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

Dự kiến sản lượng sản phẩm VLXD chủ yếu của tỉnh Quảng Ninh trong các năm như sau:

STT	Chủng loại VLXD	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2020
1	Xi măng	triệu tấn	7,5	11,87
2	Vật liệu xây, trong đó:	triệu viên	1.426,2	1.732,7
	- Gạch nung lò tuynen	”	1.120	1.130
	- Gạch nung lò vòng	”	5	-
	- Gạch nung lò thủ công	”	18,5	-
	- Gạch không nung(xi măng-cốt liệu)	”	257,5	577,5
	- Gạch Bê tông bọt		25,2	25,2
3	Vật liệu lợp, trong đó:	triệu m ²	12,40	14,46
	- Ngói nung	”	6,54	10,91
	- Tấm lợp kim loại	”	5	5
4	Đá xây dựng	1000 m ³	4.219	4.419
5	Cát xây dựng	1000 m ³	850	1.250
6	Gạch cotto	triệu m ²	16,5	24,5
7	Gạch ceramic	triệu m ²	15	15
8	Đá ốp lát	1000 m ²	-	200
9	Cát trắng	1000 tấn	250	250
10	Cao lanh -pirophilit	1000 tấn	190	250
11	Bê tông, trong đó:	1000 m ³	575	585
	- Bê tông đúc sẵn	1000 m ³	17	47
	- Bê tông thương phẩm	1000 m ³	1.340	1.540
12	Vôi	1000 tấn	580	1.580
13	Cửa nhựa lõi thép	1000 m ²	50	100

14	Tấm ốp hợp kim nhôm	triệu m ²	-	2
15	Vật liệu san lấp	triệu m ³	2,51	67,51

Đối với một số sản phẩm VLXD có lợi thế như: Xi măng, vật liệu ốp lát, sản phẩm gốm mỏng, khai thác chế biến đá làm vật liệu xây dựng, sản xuất vôi công nghiệp, phát triển sản xuất vật liệu xây nung và không nung... tiếp tục mở rộng sản xuất đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu.

2. Quy hoạch phát triển VLXD tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020.

2.1. Sản xuất xi măng:

- Ổn định sản xuất tại các nhà máy xi măng Thăng Long, Hạ Long, Cẩm Phả và Lam Thạch II hoạt động đạt công suất thiết kế.

2.2. Sản xuất vật liệu xây:

- Ổn định sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm tại các cơ sở sản xuất gạch Tuynen hiện có.

- Đầu tư chiều sâu đổi mới công nghệ, nâng cao tỷ lệ các sản phẩm gốm mỏng có giá trị kinh tế cao (*gạch ốp lát, các loại ngói lợp và ngói trang trí v.v...*) trong cơ cấu sản phẩm đối với những doanh nghiệp có nguyên liệu tốt và có điều kiện mặt bằng sản xuất. Dự kiến tỷ lệ sản phẩm mỏng chiếm từ 30 – 50% sản lượng sản xuất.

- Đầu tư mới một cơ sở sản xuất gạch Tuynen ở huyện Ba Chẽ gắn với vùng nguyên liệu mỏ sét; với công suất thiết kế: 10 triệu viên/năm.

- Từ năm 2016 đến năm 2020 dùng triển khai thực hiện các dự án đầu tư sản xuất gạch ngói nung Tuynen trên địa bàn tỉnh (trừ huyện Ba Chẽ).

- Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch xóa bỏ lò thủ công, lò thủ công cải tiến, lò đứng liên tục, lò vòng sản xuất gạch nung (sử dụng nhiên liệu hóa thạch) trên địa bàn theo Kế hoạch được duyệt số 3988/KH-UBND ngày 09/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ninh chấm dứt sản xuất gạch đất sét nung bằng các loại lò sử dụng công nghệ lạc hậu trên địa bàn tỉnh.

- Đầu tư xây dựng mới các nhà máy gạch không nung ở các địa phương Đông Triều; Uông Bí; Hoành Bồ; Hạ Long; Cẩm Phả; Vân Đồn; Quảng Yên mỗi địa phương 01 cơ sở sản xuất gạch xây không nung công suất ≥ 40 triệu viên QTC/năm. Tại phường Mông Dương, thành phố Cẩm Phả đầu tư cơ sở sản xuất với công suất thiết kế ≥ 80 triệu viên QTC/năm. Nguyên liệu sản xuất của các cơ sở này là xỉ thải của các nhà máy nhiệt điện và xi măng được sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích đầu tư công nghệ sản xuất gạch không nung; bê tông nhẹ, cách âm, cách nhiệt, sử dụng phế thải của công nghệ khai thác, chế biến đá và xỉ thải nhiệt điện góp phần bảo vệ môi trường.

- Duy trì các cơ sở sản xuất gạch không nung trên địa bàn tỉnh, đưa sản lượng gạch không nung toàn tỉnh lên trên 600 triệu viên QTC vào năm 2020, đạt tỷ lệ xấp xỉ 40% tổng sản lượng vật liệu xây toàn tỉnh.

2.3. Sản xuất vật liệu lọc:

- Khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất gạch ngói Tuynen đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, tăng tỷ lệ ngói 22 viên/m², ngói mũi, ngói mũi hài, ngói tráng men và các loại ngói trang trí khác một cách hợp lý trong cơ cấu sản phẩm để tiết kiệm nguồn nguyên liệu sét, tăng hiệu quả sản xuất, giá trị sản phẩm.

- Duy trì các cơ sở gia công tấm lọc kim loại hiện có trên địa bàn phục vụ cho nhu cầu xây dựng ở các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và xây dựng dân dụng.

2.4. Khai thác, chế biến đá xây dựng:

- Duy trì sản xuất các cơ sở khai thác, chế biến đá xây dựng trên địa bàn tỉnh phát huy sản lượng ở địa phương có trữ lượng đá xây dựng lớn, có lợi thế vận chuyển, tiêu thụ bằng đường thủy như: Hoàn Bò, Uông Bí, Cẩm Phả để cung ứng cho nhu cầu đá xây dựng của tỉnh.

- Tổ chức khai thác đảm bảo lộ trình xây dựng đô thị đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các đô thị và phát triển các khu du lịch, dịch vụ bền vững.

- Tìm kiếm, thăm dò, khảo sát các điểm mỏ quãczit, rionit ở Tiên Yên, Ba Chẽ, Bình Liêu và Hải Hà để khai thác chế biến đáp ứng cho nhu cầu xây dựng tại địa phương.

- Kết hợp khai thác, sản xuất đá xây dựng và sản xuất bột đá, sản xuất vôi và phục vụ cho việc khử SO₃ trong quá trình đốt than tại các nhà máy nhiệt điện.

2.5. Khai thác cát xây dựng:

- Duy trì khai thác các điểm mỏ hiện có theo quy định.

- Đầu tư khai thác cát tại mỏ cát Cầu Cầm, thuộc địa phận các xã, phường Hưng Đạo, Xuân Sơn, Đức Chính, Trảng An thị xã Đông Triều và các điểm mỏ hiện đang khai thác trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tìm kiếm, thăm dò các điểm mỏ ở lưu vực các sông, suối trên địa bàn tỉnh để bổ sung nguồn cát cung cấp cho nhu cầu xây dựng của tỉnh.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ các điểm khai thác cát trên các sông suối, giữ gìn cảnh quan môi trường khu vực khai thác. Các điểm khai thác cát ở khu vực cửa sông phải nằm ngoài phạm vi hành lang bảo vệ đê sông, đê biển.

- Đầu tư xây dựng các cơ sở nghiền cát nhân tạo, tận dụng phế thải của công nghệ khai thác chế biến đá, đá cát kết trong đất đá thải của các mỏ than, tạo nguồn bổ sung cát xây dựng.

- Nguồn cát bê tông có chất lượng tốt từ các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Giang cung ứng cho tỉnh thông qua hệ thống vận tải thủy cần được kiểm tra giám sát chặt chẽ để đảm bảo ổn định chất lượng và giá để không làm ảnh hưởng đến chất lượng các công trình xây dựng.

2.6. Sản xuất gạch Coto: Duy trì ổn định sản xuất tại các nhà máy gạch Coto hiện có trên địa bàn. Trong thời gian tới tiếp tục đầu tư nâng công suất,

nâng cao chất lượng sản phẩm; đưa sản lượng gạch cotto lên 24,5 triệu m²/năm vào năm 2020.

2.7. Sản xuất gạch Ceramic: Duy trì ổn định sản xuất gạch Ceramic tại cụm công nghiệp Kim Sơn của Công ty cổ phần Vĩnh Thắng, Công ty cổ phần Gốm màu Hoàng Hà với công suất thiết kế là 15 triệu m²/năm.

2.8. Đá ốp lát: Đầu tư khôi phục nhà máy đá ốp lát tại xã Quảng Sơn huyện Hải Hà để sản xuất đá lát vỉa hè, công viên, công suất 30 ngàn m²/năm của Công ty xây dựng công trình 1. Tiếp tục đầu tư thăm dò khai thác đá granit tại Tiên Yên, Ba Chẽ, Bình Liêu để khai thác sản xuất đá ốp lát phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu, đưa sản lượng đá ốp lát năm 2020 là 200 ngàn m².

2.9. Khai thác cát trắng: Hạn chế khai thác cát trắng tại Quan Lạn, giữ gìn cảnh quan môi trường để khai thác du lịch biển đảo, duy trì khai thác đến 2020 sản lượng là 250.000 tấn/Năm. Thăm dò khảo sát trữ lượng mỏ cát trắng xã Vĩnh Trung, Vĩnh Thục để bổ sung nguồn cát trắng cho những năm sau.

2.10. Khai thác Kaolin-Pirophilit: Phát huy năng lực khai thác của Công ty cổ phần khoáng sản Quảng Ninh thuộc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Ninh; Công ty cổ phần Khoáng sản Thiên Trường, đưa sản lượng khai thác chế biến năm 2020 lên 200 đến 350 ngàn tấn/năm. Tăng cường công tác thăm dò khai thác Kalin-Pirophilit khu vực Bình Liêu, Ba Chẽ, Hải Hà.

2.11. Sản xuất bê tông:

- Bê tông đúc sẵn: Duy trì sản xuất, đầu tư công nghệ nâng công suất các nhà máy bê tông đúc sẵn ở Hạ Long, Cẩm Phả lên 30.000 m³/năm. Đầu tư nhà máy bê tông đúc sẵn tại cụm công nghiệp Kim Sơn, thị xã Đông Triều công suất 10.000 m³/năm.

- Bê tông thương phẩm: Phát huy công suất của các cơ sở sản xuất bê tông thương phẩm hiện có ở Uông Bí, Hạ Long, Cẩm Phả, đầu tư xây dựng mới các cơ sở bê tông thương phẩm ở Đông Triều, Hải Hà, Móng Cái, Vân Đồn để phục vụ nhu cầu xây dựng của địa phương, đưa sản lượng sản xuất năm 2020 lên 550.000 m³/năm.

2.12. Sản xuất vôi công nghiệp:

- Phát triển sản xuất vôi với công nghệ tiên tiến, hiện đại dần thay thế sản xuất vôi bằng lò thủ công liên tục phù hợp với Quy hoạch phát triển công nghiệp vôi đến năm 2020 và định hướng đến 2030 theo Quyết định số 507/QĐ-BXD ngày 27/4/2015 của Bộ Xây dựng.

- Năm 2015: Tiếp tục đầu tư đưa cơ sở sản xuất vôi công nghiệp tại xã Lê Lợi, huyện Hoành Bồ vào hoạt động với công suất 580 ngàn tấn/năm; đầu tư cơ sở sản xuất vôi tại xã Thống Nhất huyện Hoành Bồ công suất khoảng 200 ngàn tấn/năm. Từ năm 2016 đến năm 2020 tiếp tục đầu tư hoàn thiện các cơ sở hiện có. Phấn đấu đến năm 2020 xóa bỏ hoàn toàn việc sản xuất vôi bằng các lò thủ công trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch được duyệt.

2.13. Sản xuất cửa nhựa: Khôi phục sản xuất sản phẩm cửa nhựa tại Công ty công nghiệp tàu thủy và xây dựng Hạ Long – Vinashin; đầu tư 02 dây chuyền sản xuất thanh phôi 500 tấn/1 dây chuyền/năm, đưa sản lượng sản xuất năm 2020 lên 150.000 m²/năm.

2.14. Sản xuất tấm ốp hợp kim nhôm composite: Tấm ốp hợp kim nhôm composite có nhiều tính năng ưu việt, đây là loại VLXD chuyên dùng trong các công trình có kiến trúc sang trọng, hiện đại như khách sạn, văn phòng và đặc biệt trong hoạt động quảng cáo, trang trí... phù hợp với sự phát triển của tỉnh. Trong giai đoạn 2016 – 2020 dự kiến đầu tư một cơ sở tấm ốp hợp kim nhôm composite tại KCN Quán Triều, thị xã Đông Triều với công suất thiết kế 2 triệu m²/năm

2.15. Vật liệu san lấp: Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang sử dụng vật liệu san lấp là cát nhiễm mặn, đất đồi và đất đá thải tại các mỏ khai thác khoáng sản đá, than... Năm 2015 sản lượng san lấp khoảng 2,51 triệu m³ đến năm 2020 phấn đấu sản lượng đạt 67,51 triệu m³ đáp ứng nhu cầu san lấp mặt bằng các dự án trọng điểm của tỉnh (các khu công nghiệp, khu đô thị...).

2.16. Các chủng loại vật liệu xây dựng khác: Ngoài các chủng loại vật liệu đã nêu, còn một số chủng loại vật liệu như: Sứ vệ sinh, các loại phụ gia bê tông, phụ gia chống thấm, sơn tường, thảm trải sàn, giấy dán tường...chủ yếu được cung cấp từ Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh khác trong cả nước và nhập khẩu. Đối với các sản phẩm như ke, khóa, bản lề...khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cơ khí, các hợp tác xã, tổ hợp gia công sản xuất cung cấp cho thị trường.

3. Định hướng phát triển VLXD tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030.

- Sau năm 2020 ngành sản xuất VLXD sẽ chỉ đầu tư những công nghệ tiên tiến, hiện đại có trình độ cơ giới hóa, tự động hóa cao tiệm cận với trình độ công nghệ của thế giới và khu vực. Sản xuất VLXD đảm bảo được các quy định về môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Sản phẩm VLXD luôn luôn được nâng cao chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, có thể cạnh tranh trên thị trường ngoài nước. Lĩnh vực khai thác chế biến nguyên liệu sẽ tập trung vào chế biến sâu nguyên liệu thành sản phẩm hàng hóa chất lượng cao, có giá trị kinh tế cao. Không xuất khẩu nguyên liệu thô hoặc bán thành phẩm để giữ gìn nguồn tài nguyên khoáng sản quý không thể tái tạo được. Giai đoạn này, theo xu hướng phát triển chung của thế giới ngành sản xuất VLXD sẽ phát triển theo hướng hình thành các tập đoàn sản xuất chuyên sâu vào một sản phẩm có thể mạnh hoặc tập đoàn sản xuất nhiều chủng loại sản phẩm để nâng cao và khẳng định thương hiệu trên trường quốc tế, rút gọn các đầu mối sản xuất và tiêu thụ; đơn giản hóa cho công tác quản lý và mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Giai đoạn 2020 đến 2030 ngành công nghiệp sản xuất VLXD tỉnh Quảng Ninh được phân bố theo hướng hình thành các khu, cụm công nghiệp VLXD tập trung, sản xuất nhiều chủng loại VLXD để tiết kiệm vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ lẫn nhau trong việc đào tạo nguồn nhân lực, thuận

lợi quản lý. Bố trí các khu, cụm công nghiệp VLXD ở khu vực ngoại vi đô thị, xa khu dân cư để không làm ảnh hưởng đến đời sống dân cư lân cận.

- Hình thành các siêu thị VLXD tại các khu đô thị để giới thiệu, quảng bá sản phẩm VLXD, tạo điều kiện cho người sử dụng dễ dàng tiếp cận, lựa chọn các sản phẩm VLXD theo yêu cầu của từng loại công trình.

4. Các giải pháp thực hiện quy hoạch.

4.1. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn vốn đầu tư, đề ra chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển sản xuất vật liệu xây dựng. Mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia góp vốn. Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng vốn tự có, vốn tín dụng để đầu tư đổi mới công nghệ thiết bị. Tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài để đầu tư vào lĩnh vực phát triển sản xuất vật liệu xây dựng.

4.2. Áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, đổi mới công nghệ, lựa chọn công nghệ phù hợp, sản xuất ra sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo đủ khả năng cạnh tranh với thị trường trong nước và ngoài nước.

4.3. Kết hợp khai thác, phát triển sản xuất vật liệu xây dựng với việc bảo vệ môi trường. Đề ra những phương án cụ thể để quản lý, sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng. Đối với các cơ sở sản xuất, dự án đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Phải thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của quyết định phê duyệt và các cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4.4. Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, chú trọng đào tạo cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật lành nghề bằng nhiều hình thức thích hợp. Tổ chức tham quan, học tập trong nước và nước ngoài, tiếp cận với trình độ công nghệ mới. Mở rộng đào tạo tin học, ngoại ngữ, thị trường... Có chính sách thu hút nhân tài đưa sự nghiệp phát triển ngành công nghiệp vật liệu xây dựng tỉnh Quảng Ninh trở thành ngành công nghiệp tiên tiến, hiện đại.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng

- Tổ chức công bố quy hoạch; chủ trì kiểm tra việc thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt.

- Chủ trì thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác triển khai dự án sản xuất VLXD theo quy định pháp luật xây dựng hiện hành; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường theo quy định của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật khoáng sản.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra, giám sát các hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất VLXD theo quy định.

- Kiểm tra định kỳ hàng tháng, quý, năm về chất lượng sản phẩm VLXD và tình hình tiêu thụ sản phẩm VLXD trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn và tiếp nhận công bố hợp quy, hợp chuẩn sản phẩm VLXD.

- Định kỳ tổng hợp tình hình phát triển vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì phối hợp với các ngành và UBND các địa phương hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện việc cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác khoáng sản theo qui định. Báo cáo UBND tỉnh cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản theo qui định của Luật khoáng sản.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp lập, trình duyệt các hồ sơ đất đai; đánh giá tác động môi trường các dự án khai thác, chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng theo quy định pháp luật.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý các hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản theo quy định nhằm bảo đảm việc khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản để sản xuất VLXD, bảo vệ cảnh quan môi trường và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

3. Sở Công thương

- Chủ trì phối hợp với các ngành và UBND các địa phương hướng dẫn, quản lý việc bảo quản, vận chuyển và sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong khai thác, chế biến khoáng sản để sản xuất vật liệu xây dựng.

- Tham mưu cho UBND tỉnh về phát triển công nghiệp nói chung và công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng, thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản để sản xuất vật liệu xây dựng, quảng bá sản phẩm VLXD trên các thị trường.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động của các tổ chức, cá nhân sản xuất VLXD.

4. Các Sở, ban ngành khác.

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực ngành quản lý; phối hợp các ngành và địa phương liên quan triển khai hiệu quả Quy hoạch.

5. Ủy ban nhân dân các địa phương.

- Quản lý toàn diện dự án trên địa bàn về khai thác, vận chuyển, chế biến, sản xuất, tiêu thụ VLXD; quản lý đất đai; an toàn vệ sinh cháy nổ; ô nhiễm môi trường...; kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân khai thác, sản xuất, chế biến khoáng sản làm VLXD trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản để sản xuất VLXD; kiểm tra và xử lý kịp thời các sai phạm trong việc thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản để sản xuất VLXD trên địa bàn.

6. Tổ chức, cá nhân tham gia vào các lĩnh vực thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản để sản xuất VLXD; doanh nghiệp sản xuất VLXD.

- Các tổ chức, cá nhân tham gia thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản để sản xuất VLXD; doanh nghiệp sản xuất VLXD phải chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khoáng sản, xây dựng, đất đai, môi trường...

- Triển khai đầu tư khoa học công nghệ để nâng cao hiệu quả trong thăm dò, khai thác, chế biến, sản xuất khoáng sản làm VLXD; thực hiện nghiêm chỉnh việc khai thác tận dụng tài nguyên khoáng sản, đảm bảo tiết kiệm tài nguyên khoáng sản. Đầu tư cải tạo phục hồi môi trường sau khai thác và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 3. Các ông bà: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban ngành; chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND (báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các Huyện, Thị xã, Thành phố;
- V0-4, QLĐĐ1,2, QH1-3, GT1,2, CN, XD1-5, TH1,2, TM1-4;
- Lưu: VT, XD4.

30bQĐ7-09

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Long